

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

Ths. Nguyễn Trung Kiên*

Biến đổi khí hậu đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh hơn, nghiêm trọng hơn, trở thành một trong những vấn đề cấp bách toàn cầu. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất với biến đổi khí hậu. Trước tác động to lớn của biến đổi khí hậu, từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt coi trọng vấn đề này, luôn nhất quán chủ trương chủ động, tích cực hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu. Đại hội VI (năm 1986) của Đảng cho rằng, tất cả các dân tộc và cộng đồng nhân loại cần có sự phối hợp với nhau để giải quyết những vấn đề toàn cầu, trong đó có bảo vệ môi trường. Đi cùng với việc triển khai hàng loạt các chương trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, ban hành nhiều chính sách, thông tư, nghị định nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động chi ngân sách cho biến đổi khí hậu. Đề tài đã tìm hiểu về những tác động của biến đổi khí hậu đến nền kinh tế Việt Nam, đưa ra thực trạng hoạt động chi ngân sách cho biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài báo đã đưa ra một số định hướng và giải pháp đối với hoạt động chi ngân sách cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

• Từ khóa: biến đổi khí hậu, chi ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước, tác động của biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Climate change is occurring at an increasingly rapid and severe pace, becoming one of the most urgent global issues. Vietnam is assessed as one of the most vulnerable countries to climate change. In the face of the significant impact of climate change, since the implementation of the renewal process, the Party and the State of Vietnam have particularly valued this issue, consistently adhering to the policy of proactively and actively cooperating internationally on climate change. The 6th Congress (in 1986) of the Party stated that all nations and communities of humanity need to coordinate with each other to address global issues, including environmental protection. Along with the implementation of a series of programs and projects to adapt to climate change, the issuance of various policies, circulars, and decrees to respond to climate change, state management agencies are also particularly concerned about budget expenditures for climate change. The topic has explored the impacts of climate change on the Vietnamese economy and presented the status of budget expenditures for climate change in Vietnam. Based on that, the article has proposed some directions and solutions for budget expenditures related to climate change adaptation activities.

• Key words: climate change, state budget expenditure, state budget, impacts of climate change, response to climate change.

Ngày gửi bài: 10/5/2025

Ngày gửi phản biện: 20/6/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 20/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 10/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i296.02>

1. Mở đầu

Việt Nam đang phải đối mặt với những tác động nặng nề của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu tác động tới khu vực thành thị đông dân cư, các vùng nông thôn nghèo, cũng như tới các hoạt động kinh tế nông cốt trong nông nghiệp, thủy sản và một số lĩnh vực khác, vốn là động lực quan trọng giúp xóa đói giảm nghèo và tạo công ăn việc làm. Tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh của Việt Nam gây ra phát thải khí nhà kính do các dự án đầu tư vẫn còn sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch, nếu không có các biện pháp giảm trừ sẽ khiến Việt Nam dần trở thành nguồn phát thải lớn. Đứng trước thách thức này đòi hỏi chúng ta phải hành động mạnh mẽ hơn nữa để bảo vệ những thành quả đạt được trong công cuộc phát triển đất nước, đạt mức thu nhập trung bình cao bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. Tại Hội nghị COP 26 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã khẳng định chính phủ Việt Nam cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050, tham gia cam kết toàn cầu cắt giảm 30% lượng khí mê-tan gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030 và cam kết ngăn chặn, đảo ngược tình trạng mất rừng và suy thoái

* Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội; email: kiensanbay.mta@gmail.com

đất vào năm 2030. Đến hội nghị COP 27 tại Ai Cập đã đưa ra thông điệp mạnh mẽ rằng Việt Nam cùng với thế giới, cần khẩn thiết hành động trước thời điểm không thể thay đổi về khí hậu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần một chính sách chi ngân sách phù hợp, là yếu tố then chốt đảm bảo để hiện thực hóa các cam kết đó.

2. Tác động của biến đổi khí hậu đến nền kinh tế Việt Nam

Về mặt địa lý, Việt Nam có lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ tuyến, địa hình đa dạng và phức tạp, nên có sự khác biệt khá lớn về khí hậu. Về khía cạnh kinh tế, Việt Nam là một nước nông nghiệp với tỷ lệ đóng góp vào GDP hàng năm 20% GDP, mức thu nhập của người dân thuộc mức trung bình thấp của thế giới, phần đông người nghèo sống dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy, hải sản. Vì vậy, theo đánh giá của Tổ chức Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Việt Nam là một trong 5 nước đứng đầu thế giới dễ bị tổn thương nhất và tổn thương trực tiếp do quá trình biến đổi khí hậu.

Theo chỉ số về mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu (CCVI), đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong 30 năm tới thông qua 42 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường tại 193 quốc gia, Việt Nam xếp hạng thứ 23 trong tổng số 193 quốc gia và là một trong 30 nước chịu “rủi ro rất cao” do biến đổi khí hậu.

Biến đổi khí hậu tác động tới tất cả các vùng, miền, các lĩnh vực của nước ta, nhưng trong đó tài nguyên nước, sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế - sức khỏe và vùng ven biển sẽ chịu tác động mạnh nhất. Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng tới hơn 12% diện tích đất nông nghiệp và khoảng 25% dân số của Việt Nam, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp, là nguy cơ hiện hữu đối với thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý Trung ương phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển Thế giới và Đại học Copenha-gen (năm 2012) cho biết, nếu GDP vào năm 2050 của Việt Nam đạt trên 500 tỷ USD thì thiệt hại khi đó do biến đổi khí hậu có thể lên đến khoảng 40 tỷ USD.

Đặc biệt với chiều dài đường biển lên tới 3.260km, kéo dài từ Bắc vào Nam, Việt Nam là một trong 84 quốc gia đang phát triển ở vùng ven biển bị ảnh hưởng nặng nề nhất do nước biển dâng. Các tác động của biến đổi khí hậu, như nước biển dâng, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoan,... đang hiện hữu ngày càng nhiều hơn. Hai vựa lúa lớn của cả nước là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị ảnh hưởng nặng nề, trong đó đồng bằng sông Cửu Long - vựa lúa của cả nước, vùng nguyên liệu đầu vào quan trọng cho lĩnh vực công nghiệp chế biến lương thực,

thực phẩm, may mặc,... Nếu mực nước biển dâng cao thêm 1m mà không có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, thì khoảng 40% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích đồng bằng sông Hồng và 3% diện tích của các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ bị ngập. Lũ lụt sẽ khiến gần 50% diện tích đất nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long bị nhấn chìm không còn khả năng canh tác, tức là mất khoảng 2 triệu ha đất canh tác. Theo phân tích của Viện Tài nguyên thế giới (WRI) về ảnh hưởng của lũ lụt đến GDP, Việt Nam đứng thứ 4 trong 164 quốc gia được khảo sát về tác hại nghiêm trọng của lũ lụt đến toàn bộ nền kinh tế; làm thiệt hại 2,3% GDP của Việt Nam mỗi năm. Nước biển dâng khiến tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển nặng nề hơn, thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.

Các hiện tượng thời tiết bất thường, cực đoan liên quan đến biến đổi khí hậu như nhiệt độ tăng cao, mưa ít, hạn hán, thiếu nước tưới, các đợt lũ bất thường liên tục xảy ra sẽ khiến đất thiếu phù sa bồi đắp do đó đứng trước nguy cơ đất bị bạc màu, suy thoái, ảnh hưởng đến sự phân bố của cây trồng, đặc biệt làm giảm năng suất cây trồng.

Cùng với tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất đai tại các đô thị, khu dân cư lớn, các làng nghề; các sự cố môi trường ngày càng gia tăng do những nỗ lực tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, gia tăng dân số,... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của Việt Nam trong trung và dài hạn.

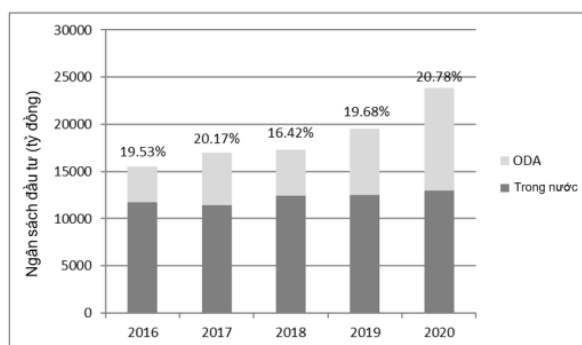
3. Thực trạng hoạt động chi ngân sách nhà nước nhằm chống biến đổi khí hậu tại Việt Nam

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế cac-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên là xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam, được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra, Việt Nam cần một nguồn lực tài chính rất lớn.

Việt Nam đã cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và đã tham gia Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) để đạt được mục tiêu này. Tổng nhu cầu tài chính cho quá trình khử cac-bon ước tính là 114 tỉ USD trong giai đoạn 2022 - 2040 (World Bank Group, 2022). Bên cạnh đó, trong chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) ước tính, Việt Nam chỉ có thể trang trải được 30% chi phí của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, do vậy cần huy động thêm vốn tài trợ cho hoạt động thích ứng từ quốc tế. Cam kết đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam gửi tới Ban Thư ký của UNFCCC là khoảng 0,21%/tổng GDP cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, nếu hướng tới phương án chi 1,5% trên tổng GDP cho các hoạt động

này thì Việt Nam vẫn cần huy động thêm 3,5 tỉ USD mỗi năm, 35 tỉ USD trong giai đoạn 2021 - 2030. Chính vì vậy, Việt Nam đã có những quy định về ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện bảo vệ môi trường. Theo Bộ Tài chính, hằng năm, ngân sách nhà nước bố trí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách theo Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn từ 2016-2020, tổng hợp dữ liệu ngân sách khí hậu từ 29 tỉnh cho thấy ngân sách trung bình dành cho chống biến đổi khí hậu không ngừng tăng lên, từ hơn 15.000 tỷ đồng năm 2016 lên gần 25.000 tỷ đồng vào năm 2020. Ngân sách cho chống biến đổi khí hậu cũng chiếm tỷ trọng tương đối ổn định trong tổng ngân sách, chiếm khoảng 19 - 21% tổng ngân sách.

Hình 1: Tổng hợp ngân sách đầu tư cho BĐKH của 29 tỉnh thành từ năm 2016 đến năm 2020 với hai nguồn vốn chính là ODA và trong nước



Nguồn: NUDP Việt Nam-Bộ kế hoạch và Đầu tư

Trong giai đoạn này cũng ghi nhận sự gia tăng nguồn vốn ODA dành cho hoạt động chống biến đổi khí hậu nên tổng ngân sách cho cũng tăng theo. Trong đó, chi cho thích ứng với biến đổi khí hậu chi chủ yếu, chiếm hơn 90% ngân sách của các năm. Đầu tư kết hợp cho thích ứng và giảm nhẹ chiếm phần lớn phần ngân sách còn lại, nhưng luôn ở mức dưới 10%. Hơn 50% ngân sách đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào 4 nhiệm vụ: giao thông vận tải, khả năng chống chịu của các đô thị và khu dân cư, thủy lợi, đê sông và kè biển.

Như vậy, mặc dù ngân sách dành cho biến đổi khí hậu liên tục tăng song nguồn lực đầu tư công của nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu để nâng cao năng lực cả về cơ sở hạ tầng, thể chế và nguồn nhân lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, việc phân bổ, giải ngân kinh phí còn chậm, thậm chí phải hủy dự toán trong một số trường hợp.

Bên cạnh đó, thực tế nội dung các khoản chi dành cho biến đổi khí hậu lại không được quy định cụ thể trong hệ thống các thông tư, nghị định về chi ngân sách. Cụ thể trong giai đoạn 2021 -2025, việc phân bổ

ngân sách đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của trung ương. Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 - Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, đã chỉ rõ các chủ đề phù hợp với phân bổ ngân sách đầu tư tại Điều 3. Các chủ đề này bao gồm quốc phòng, giáo dục và đào tạo, tin tức và truyền thông, thể thao, v.v., nhưng không nêu rõ chủ đề chống biến đổi khí hậu. Mặc dù chống biến đổi khí hậu có thể được đan xen vào nhiều chủ đề khác, ví dụ như: khí tượng và cảnh báo sớm, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng vùng ven biển và lưu trữ nước. Do đó, trong các điều khoản về lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho giai đoạn 2021-2025, nội dung biến đổi khí hậu được lồng ghép chứ không phải là trọng tâm chính của các chủ đề đầu tư. Trong quy định này, Điều 4 có nhắc đến ngoại lệ trong vấn đề này, trong đó ưu tiên phân bổ để thực hiện, thúc đẩy tiến độ để hoàn thành và sử dụng các dự án thuộc các chương trình môi trường quốc gia, các dự án quan trọng của đất nước, các chương trình và dự án kết nối các vùng hoặc ảnh hưởng đến nhiều vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân, phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước trong thời gian sớm nhất. Như vậy, việc phân bổ ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu sẽ chủ yếu thông qua lồng ghép các hoạt động liên quan đến khí hậu theo các chủ đề đầu tư chính. Do đó có thể thấy chống biến đổi khí hậu chỉ là một phần của lĩnh vực đầu tư chung chứ không phải là lĩnh vực đầu tư cụ thể cần thực hiện, cần được đặc biệt chú trọng.

Cho đến nay Việt Nam chưa có một hệ thống theo dõi và báo cáo chi tiêu biến đổi khí hậu một cách có hệ thống. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có sự quản lý tách biệt giữa ngân sách đầu tư phát triển và ngân sách chi thường xuyên, cũng như hệ thống theo dõi chi tiêu bị phân tách, chưa có sự phối hợp, gắn kết giữa cấp trung ương và cấp địa phương, cấp nào theo dõi và báo cáo chi tiêu của cấp ấy, còn ở cấp độ quốc gia thì chỉ có các số liệu tổng hợp. Bên cạnh đó, đa số các khoản chi đầu tư đều nhằm vào mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, chỉ cho mục tiêu giảm nhẹ chủ yếu nằm ở phần chi thường xuyên qua các đề án nghiên cứu khoa học công nghệ về phát triển công nghệ mới, vật liệu mới thân thiện với môi trường, xây dựng cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu hoặc nâng cao năng lực cho các bên tham gia. Vì vậy, nếu hệ thống theo dõi và báo cáo không lồng ghép được việc theo dõi cả chi đầu tư và chi thường xuyên thì không phản ánh được đầy đủ bức tranh về chi tiêu công cho biến đổi khí hậu. Điều này gây khó khăn cho nhà quản lý đánh giá được mức độ chi đầu tư công dành biến đổi khí hậu để có hướng điều chỉnh ngân sách tốt hơn phù hợp với các chính sách,

giải pháp và hành động về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu.

Về phân bổ dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, việc đề xuất sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của một số Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa phù hợp với quy định pháp luật; còn tình trạng phân định chưa rõ giữa nội dung chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường và nguồn vốn đầu tư công; việc lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của một số Bộ, cơ quan trung ương còn chậm trễ.

3. Một số đề xuất

Trong thời gian qua, Việt Nam đã phải đối mặt với những thách thức to lớn từ sự gia tăng ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu. Nhận thức rõ được những thách thức đó, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, Việt Nam cũng gặp phải nhiều vấn đề bất cập. Trước thực trạng đó, bài báo đưa ra một số đề xuất, kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần theo dõi và báo cáo một cách có hệ thống về chi ngân sách nhà nước cho biến đổi khí hậu. Cụ thể, cần xây dựng một hệ thống theo dõi và báo cáo toàn diện về đầu tư và chi tiêu ngân sách cho biến đổi khí hậu, đáp ứng được yêu cầu báo cáo quốc tế và sử dụng hiệu quả trong nước cần bao gồm các thành phần bao gồm: Chi đầu tư và chi thường xuyên; tích hợp chi tiêu công ở cấp trung ương và cấp địa phương; và có thể đầu tư tư nhân cho biến đổi khí hậu. Trong hướng dẫn phân loại đầu tư công cho biến đổi khí hậu theo Quyết định 1068 của Bộ KH&ĐT chi tiết hơn nhưng chỉ áp dụng cho phân loại đầu tư công lại chưa có hướng dẫn cho chi thường xuyên, và mức độ liên quan đến biến đổi khí hậu chỉ xác định ở hai cấp hoặc là 0% hoặc là 100% dẫn đến sai số có thể khá lớn. Bản hướng dẫn sẽ được xây dựng cần bổ sung thêm cả mẫu báo cáo đơn giản để các đơn vị có thể tự báo cáo theo mẫu. Đây sẽ là cơ sở để các cơ quan quản lý đánh giá được mức độ đầu tư và chi tiêu ngân sách cho biến đổi khí hậu để trên cơ sở đó có định hướng điều chỉnh kịp thời.

Thứ hai, đối với chi đầu tư công, cần đưa nội dung yêu cầu cung cấp thông tin về mức độ liên quan đến biến đổi khí hậu trong các báo cáo chủ trương đầu tư và nghiên cứu khả thi dự án vào các văn bản pháp lý hiện hành và các văn bản hướng dẫn lập kế hoạch và dự toán ngân sách. Cụ thể, tiến hành gắn mã được thực hiện trong suốt quá trình lập kế hoạch dự án và lập ngân sách. Từ đó giúp hệ thống theo dõi các dự án và theo suốt vòng đời của chúng; từ khi khởi động đến khi kết thúc. Nhờ đó, cho phép tổng hợp ngân sách cho biến đổi khí hậu ở bất kỳ giai đoạn nào của quy trình.

Thứ ba, đối với chi thường xuyên, tương tự như đối với chi đầu tư, cần có quy định mã nhiệm vụ riêng về

chi cho biến đổi khí hậu vào mục lục ngân sách hiện nay để phục vụ theo dõi chi cho biến đổi khí hậu qua Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc. Biến đổi khí hậu không phải là một lĩnh vực hay ngành riêng biệt như giáo dục, y tế, v.v. mà có tính chất liên ngành. Các khoản chi cho biến đổi khí hậu đều nằm đan xen trong nhiều lĩnh vực chi khác. Do đó, muốn biết được trong từng lĩnh vực chi thường xuyên cho biến đổi khí hậu là bao nhiêu, cần phải làm rõ nhiệm vụ chi nào phục vụ mục tiêu biến đổi khí hậu cụ thể.

Thứ tư, cần xây dựng một hệ thống phần mềm thống nhất trong toàn quốc để có thể tích hợp nội dung theo dõi giải ngân của các dự án đầu tư công của trung ương và địa phương. Khi đó, có thể có được thông tin liên tục, hàng năm về tình hình chi đầu tư công cho biến đổi khí hậu thông qua hệ thống này. Hệ thống này có thể tích hợp thành một chức năng mới bổ sung vào phần mềm báo cáo các dự án đầu tư công thuộc NSTW mà Bộ KH&ĐT nay là Bộ Tài chính (sau sát nhập) đang quản lý.

Thứ năm, cần tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thông qua nhiều hình thức như phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường carbon, các hình thức đối tác công tư (PPP), tín dụng xanh, trái phiếu xanh; tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách. Cùng với đó, cần đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, tăng cường nhận thức và năng lực về chính sách và tài chính biến đổi khí hậu. Việc rà soát đầu tư và chi tiêu công cho biến đổi khí hậu, công tác lập kế hoạch ở các Bộ và địa phương cần được tăng cường, đảm bảo phân tích rõ ràng và toàn diện các nhiệm vụ của khu vực công và các ưu tiên chi tiêu về biến đổi khí hậu. Ngoài ra, cần tăng cường năng lực của các bộ, ngành về chi tiêu cho biến đổi khí hậu, làm cơ sở xác định mục tiêu ưu tiên cho việc ra quyết định, hành động, giải pháp cũng như chính sách lồng ghép biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực liên quan. Quốc hội và Hội đồng nhân cấp tỉnh đưa ra quyết định cuối cùng về phân bổ ngân sách nên việc nâng cao năng lực về tài chính khí hậu cho đối tượng này có ý nghĩa quan trọng.

Tài liệu tham khảo:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, TS Trần Thị Văn Anh, Giáo trình Tài chính công, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
 Vietnam - Country Climate and Development Report (2022) IFC.
 World Bank Group (2022) Key highlights: Country climate and development report for Vietnam, World Bank.
 World Bank Group (2022) Vietnam - Country climate and development report, World Bank.
 Văn Tuấn, "Ngân sách chi cho biến đổi khí hậu tăng 33% trong vòng 5 năm", <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/ngan-sach-chi-cho-bien-doi-khi-hau-tang-33-trong-vong-5-nam-101652.html>
 "Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở Việt Nam",
<https://pilot.dcc.gov.vn/%E1%BA%A2nh%CE%B0%E1%BB%9Fngc%E1%BB%A7abi%E1%BA%BFn-%C4%91%E1%BB%95i-kh%C3%AD-h%E1%BA%ADu-%E1%BB%9F-V%E1%BB%87i-Nam>